



TRƯỜNG THPT GIO LINH	ĐỀ THI THỬ THPT QG MÔN: NGỮ VĂN NĂM HỌC: 2021 (Thời gian làm bài: 120 phút)
-----------------------------	--

ĐỀ SỐ 1**Phần I: Đọc hiểu**

Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị. Nếu người An Nam hãnh diện giữ gìn tiếng nói của mình và ra sức làm cho tiếng nói ấy phong phú hơn để có khả năng phổ biến tại An Nam chỉ còn là vấn đề thời gian. Bất cứ người An Nam vào vứt bỏ tiếng nói của mình, thì cũng đương nhiên khước từ niềm hi vọng giải phóng giống nòi. [...] Vì thế, đối với người An Nam chúng ta, chối từ tiếng mẹ đẻ đồng nghĩa với từ chối sự tự do của mình... [...]

Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn. Lời trách cứ này không có cơ sở nào cả. Họ chỉ biết những từ thông dụng của ngôn ngữ và nghèo những từ An Nam hơn bất cứ người phụ nữ và nông dân An Nam nào. Ngôn ngữ của Nguyễn Du nghèo hay giàu?

Vì sao người An Nam có thể dịch những tác phẩm của Trung Quốc sang nước mình, mà lại không thể viết những tác phẩm tương tự?

Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người?

(Nguyễn An Ninh, Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức, SGK Ngữ văn 11, Tập 2, NXB GD 2013, trang 90)

Câu 1: Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2: Theo tác giả tiếng nói có tầm quan trọng như thế nào đối với vận mệnh của dân tộc?

Câu 3: Căn cứ vào đâu tác giả nhận định rằng tiếng “nước mình” không nghèo nàn?

Câu 4: Tác giả cho rằng: “Nếu người An Nam hãnh diện giữ gìn tiếng nói của mình và ra sức làm cho tiếng nói ấy phong phú hơn để có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của châu Âu, việc giải phóng dân tộc An Nam chỉ còn là vấn đề thời gian”. Trong hoàn cảnh nước nhà đang bị thực dân thống trị thì câu nói ấy có hoàn toàn đúng không? Vì sao?

Phần II: Làm văn

**Câu 1.**

Từ văn bản trong phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (200 chữ) trình bày suy nghĩ về việc giữ gìn và phát huy sự giàu đẹp của tiếng Việt.

Câu 2.

“Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hàng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dữ vô tội vạ với người lái đò Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thủy Tinh “Núi cao sông hãy còn dài – Năm năm bão oán đời đời đánh ghen”. Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc mà ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh cánh hến của Sông Gâm, Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

Con Sông Đà gọi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gọi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mải bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”. Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đầm đầm ấm ấm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bẳn tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy.

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp – lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trên một mũi đò. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng



cái tiếng nói riêng của một con vật lành: “Hồi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”. Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vọt biển. Thuyền tôi trôi trên “Dải Sông Đà bọt nước lành bênh – Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình” của “một người tình nhân chưa quen biết” (Tản Đà). Dòng sông quăng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên”.

(Nguyễn Tuân, Người lái đò sông Đà, SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXBGD 2012)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của Sông Đà. Từ đó nêu một vài nhận xét về cái tôi của Nguyễn Tuân được thể hiện trong văn bản.

---- HẾT ----

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

Phần I: Đọc – hiểu

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt: Nghị luận

Câu 2:

- Tầm quan trọng của tiếng nói với vận mệnh dân tộc là: Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị.

Câu 3:

- Căn cứ để tác giả khẳng định tiếng “nước mình” không nghèo nàn là: lấy ngôn ngữ trong các sáng tác của đại thi hào Nguyễn Du. Nguyễn An Ninh đã sử dụng hình thức câu hỏi tu từ: “Ngôn ngữ của Nguyễn Du nghèo hay giàu?”, chỉ với câu hỏi tu từ đó tác giả đã nhấn mạnh, khẳng định sự phong phú, dồi dào của ngôn ngữ tiếng Việt.

Câu 4:

- Câu nói này không hoàn toàn đúng.

- Vì: Trong bối cảnh lúc bấy giờ, các nhà tri thức khác như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đã đấu tranh bằng con đường bất bạo động nhưng đều không thành công. Muốn giải phóng dân tộc thì ta buộc phải tiến hành đấu tranh vũ trang.

Phần II: Làm văn

Câu 1:



* Giải thích vấn đề

- Ngôn ngữ là: là phương tiện giao tiếp quan trọng của loài người, giúp mọi thành viên trong xã hội có thể trao đổi, tương tác với nhau. Ngôn ngữ còn tác động tới sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân, tác động tới sự phát triển của xã hội.

=> Giữ gìn và phát huy sự giàu đẹp của tiếng Việt là điều hết sức quan trọng trong thời buổi hội nhập hiện nay. Sự giàu đẹp của tiếng Việt không chỉ khẳng định giá trị của dân tộc mà nó còn là điều kiện để dân tộc ta vươn ra thế giới.

* Bàn luận vấn đề

- Vai trò của tiếng mẹ đẻ với mỗi dân tộc:

+ Tiếng nói có phát triển, ta mới tiếp thu được những tư tưởng tiến bộ về mọi mặt của thế giới, phổ biến rộng rãi để nâng cao dân trí cho nhân dân, tạo nên nguồn sức mạnh to lớn. Nhờ sức mạnh ấy mà dân tộc mới có điều kiện để phát triển đất nước.

+ Tiếng Việt còn là phương tiện biểu hiện đời sống văn hóa, tâm hồn phong phú mà sâu sắc của dân tộc Việt.

- Thực trạng sử dụng tiếng Việt:

+ Lạm dụng tiếng nước ngoài làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

+ Học sinh, sinh viên thế hệ tương lai của đất nước không ý thức được tầm quan trọng của tiếng mẹ đẻ nên không trau dồi, không luyện tập, khiến vốn ngôn ngữ ít ỏi, nghèo nàn.

+ Hiện tượng nói tục, chửi bậy trở nên phổ biến đặc biệt là ở giới trẻ.

- Hậu quả:

+ Vốn ngôn từ nghèo nàn, ít ỏi.

+ Đánh mất giá trị của tiếng Việt, mất bản sắc văn hóa ngôn ngữ dân tộc.

+ Làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt, ảnh hưởng đến văn hóa ứng xử của mỗi người.

- Chứng minh: học sinh lấy dẫn chứng phù hợp, có phân tích ngắn gọn.

- Giải pháp: Công cuộc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt đòi hỏi phải có sự nỗ lực trên nhiều phương diện: tình cảm, nhận thức và hành động.

+ Trước hết mỗi học sinh cần có tình cảm yêu mến và có ý thức quý trọng tiếng Việt.

+ Việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt cũng đòi hỏi mỗi người cần có những hiểu biết về tiếng Việt. Đó là hiểu biết về chuẩn mực và quy tắc tiếng Việt ở các phương diện từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp.



- Mở rộng vấn đề: giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng. Tuy nhiên cần tiếp nhận những yếu tố tích cực từ tiếng nước ngoài để làm giàu ngôn ngữ mình hơn nữa.
- Liên hệ bản thân: em đã sử dụng tiếng Việt như thế nào?

Câu 2:

1. Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân, tác phẩm “Người lái đò sông Đà”, đoạn trích

- Nguyễn Tuân là cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại, có thể coi ông là định nghĩa về người nghệ sĩ.
- Nét nổi bật trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân là ông luôn nhìn sự vật ở phương diện văn hóa và mỹ thuật, nhìn con người ở phẩm chất nghệ sĩ và tài hoa. Đặc biệt, ông thường có cảm hứng mãnh liệt với cái cá biệt, phi thường, dữ dội và tuyệt mỹ.
- “Người lái đò sông Đà” là bài tùy bút được in trong tập “Sông Đà” (1960) – một thành quả nghệ thuật đẹp đẽ mà Nguyễn Tuân thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi.
- Đoạn trích miêu tả hình tượng Sông Đà trữ tình.

2. Cảm nhận về vẻ đẹp sông Đà trong đoạn trích

a) Vẻ đẹp trữ tình của sông Đà.

- * Từ trên cao nhìn xuống, dòng chảy uốn lượn của con sông giống như “cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình”, đặc biệt là giống như mái tóc của người thiếu nữ “con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân”.
- Dòng sông mang vẻ đẹp của một áng tóc trữ tình mềm mại, tha thướt và duyên dáng.
- Vẻ đẹp của dòng sông hài hòa với núi rừng Tây Bắc, được núi rừng điểm tô thêm cho nhan sắc mỹ miều.
- * Nhìn ngắm sông Đà từ nhiều thời gian khác nhau, tác giả đã phát hiện ra những sắc màu tươi đẹp và đa dạng của dòng sông. Màu nước biến đổi theo mùa, mỗi mùa có vẻ đẹp riêng trong cách so sánh rất cụ thể:
 - Mùa xuân, nước Sông Đà xanh màu “xanh ngọc bích”, tươi sáng, trong trẻo, lấp lánh.
 - Mùa thu, nước Sông Đà lại “lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về”
 - Đặc biệt, nhà văn khẳng định chưa bao giờ con sông có màu đen như thực dân Pháp đã “đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào”, và gọi bằng cái tên lếu láo Sông Đen.
- * Góc nhìn từ bờ bãi sông Đà, dòng sông mang vẻ đẹp của một “cô nhân”



- Vẻ đẹp của nước Sông Đà gợi nhớ đến một trò chơi của con trẻ “trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy”, đẹp một cách hồn nhiên và trong sáng

- Vẻ đẹp của nắng sông Đà lại gợi nhớ đến thế giới Đường thi “tôi nhìn cái miếng sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu” (Xuôi thuyền về Dương Châu giữa tháng ba, mùa hoa khói).

- Vẻ đẹp của bờ bãi sông Đà lại gợi nhớ đến thế giới thần tiên trong khu vườn cổ tích “bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bướm bướm trên sông Đà”.

=> Nhà văn đã cảm nhận được cái chất “đằm đằm ẩm ẩm” thân thuộc khi gặp lại sau một thời gian “ở rừng đi núi đã hơi lâu”.

* Góc nhìn từ giữa lòng sông Đà, con sông mang vẻ đẹp của một người tình nhân:

- Đó là vẻ đẹp tĩnh lặng, yên ả, thanh bình như còn lưu lại dấu tích của lịch sử cha ông.

- Đó là vẻ đẹp tươi mới, tràn trề nhựa sống, như bắt đầu một mùa nảy lộc sinh sôi.

- Đó còn là vẻ đẹp hoang sơ, cổ kính

=> Cảnh đẹp đã gợi cảm hứng cho thi ca bao đời. Vẻ đẹp ấy đã cùng với sông Đà chảy qua không gian, thời gian, và đặc biệt là chảy qua cả những áng thơ ca bao đời, thơ Nguyễn Quang Bích rồi Tản Đà... để trở thành bất tử. Trong cái nhìn của thi sĩ Tản Đà, Sông Đà đã trở thành “một người tình nhân chưa quen biết”.

b. “Cái tôi” của Nguyễn Tuân

- Giải thích khái niệm “cái tôi”

+ “Cái tôi” ở đây chính là phong cách nghệ thuật.

+ Phong cách nghệ thuật là một phạm trù thẩm mỹ, chỉ sự thống nhất tương đối ổn định của hệ thống hình tượng, của các phương tiện biểu hiện nghệ thuật, nói lên cái nhìn độc đáo trong sáng tác của một nhà văn, trong tác phẩm riêng lẻ, trong trào lưu văn học hay văn học dân tộc. Chỉ những nhà văn tài năng, có bản lĩnh mới có được phong cách riêng độc đáo. Cái nét riêng ấy thể hiện ở các tác phẩm và được lặp đi lặp lại trong nhiều tác phẩm của nhà văn làm cho ta có thể nhận ra sự khác nhau giữa nhà văn này với nhà văn khác. Trong các sáng tác của một nhà văn, cái riêng tạo nên sự thống nhất lặp lại ấy biểu hiện tập trung ở cách cảm nhận độc đáo về thế giới và ở hệ thống bút pháp nghệ thuật phù hợp với cách cảm nhận ấy. Phong cách của nhà văn cũng mang dấu ấn của dân tộc và của thời đại.

- Nhận xét về “cái tôi” của Nguyễn Tuân thể hiện qua đoạn trích:

+ Cái tôi tài hoa, uyên bác: vốn sống phong phú và trí tưởng tượng dồi dào tạo nên những trang viết hết sức độc đáo và có giá trị nghệ thuật cao.



+ Cái tôi với tài năng điều luyện trong việc sử dụng ngôn từ.

+ Cái tôi kín đáo thể hiện tình cảm yêu nước tha thiết và niềm say mê, tự hào với thiên nhiên của quê hương, xứ sở mình.

3. Kết luận

- Khái quát và mở rộng vấn đề.

ĐỀ SỐ 2

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Chúng ta thường tự nhủ mình không hề phán xét mà chỉ quan sát người khác thôi. Nhưng đó chẳng khác nào một lời nói dối. Tập trung chú ý vào thất bại, sự hèn hạ của người khác đồng nghĩa với việc ta đang thổi phồng chúng lên quá mức, từ đó, làm tổn thương họ.

Tất nhiên, điều ngược lại cũng có tác dụng tương tự. Nếu lựa chọn nhìn vào điểm tốt vốn dĩ luôn tồn tại trong người khác, chúng ta sẽ củng cố thêm điểm tốt ấy cho họ, cho bản thân chúng ta cũng như cho cả cộng đồng; chúng ta sẽ giúp những điều tốt đẹp, dù nhỏ bé nhất, lan tỏa khắp nơi. Chúng ta luôn có quyền lựa chọn nhìn vào điểm tốt trong mọi người. Đó là lối tư duy ta nên rèn luyện vì lợi ích của xã hội.

Thật may mắn vì chúng ta có thể cảm nhận được lợi ích của sự chuyển biến này ngay lập tức. Đôi khi ta cần phải quyết định lại; nhưng mỗi khi lựa chọn nhìn nhận điều tốt đẹp ở người khác, thay vì chú tâm vào khuyết điểm, chúng ta sẽ cảm thấy mình trở nên tốt bụng hơn, khoan dung hơn. Và điều đó sẽ tiếp sức cho hy vọng. Sự tự tin, hạnh phúc và lòng nhiệt thành của ta càng tăng lên bao nhiêu thì chúng ta càng cảm thấy thanh thản bấy nhiêu.

Một vài người còn tin rằng, khi nhìn nhận điều tốt đẹp ở người khác là chúng ta đã làm trọn ý nguyện của Thượng đế, bởi lẽ đó chính là cách Thượng đế nhìn nhận con người. Dù ý tưởng này phù hợp với niềm tin của bạn hay không cũng chẳng quan trọng. Lời khuyên mấu chốt tôi muốn đề cập ở đây là cần ý thức được rằng, tâm trạng của mình sẽ thay đổi khi ta cư xử hòa nhã và nhiệt tình với mọi người xung quanh, thay vì hạ thấp họ bằng phán xét. Bạn nên biết con người luôn cảm nhận được sự phán xét dù họ có thể không nhìn thấy hay nghe thấy. Nói một cách đơn giản, thái độ phán xét khiến thế giới của chúng ta nhỏ hẹp. Phương pháp dễ dàng nhất để thay đổi tư duy của chúng ta là nhờ đến tình yêu thương và lòng bao dung.

(Theo Khi ta thay đổi thế giới sẽ đổi thay – Karen Casey, NXB tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh)

Câu 1. Xác định phong cách chức năng ngôn ngữ của văn bản trên.

Câu 2. Theo tác giả, vì sao chúng ta nên nhìn vào điểm tốt của người khác?



Câu 3. Tác giả cho rằng: Phương pháp dễ dàng nhất để thay đổi tư duy của chúng ta là nhờ đến tình yêu thương và lòng bao dung. Anh/chị có đồng ý không? Tại sao?

Câu 4. Trong xã hội hiện đại, nhiều bạn trẻ có thói quen chê bai, chỉ trích người khác trên các trang mạng xã hội. Lời khuyên nào anh/chị muốn dành cho những bạn này?

II. LÀM VĂN

Câu 1.

Từ phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trả lời cho câu hỏi: Phải chăng sự phán xét giam hãm bạn?

Câu 2.

Cảm nhận anh/chị về hình tượng Mị trong đêm cởi trói cho A Phủ (Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài, Ngữ văn 12, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016). Từ đó liên hệ với nhân vật Chí Phèo trong lần đến nhà Bá Kiến ở đoạn cuối truyện (Chí Phèo – Nam Cao, Ngữ Văn 11, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam 2016), cho biết thông điệp mới mẻ của Tô Hoài về cuộc sống, con người.

---- HẾT ----

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Phong cách ngôn ngữ: Chính luận.

Câu 2:

Chúng ta nên nhìn vào điểm tốt của người khác vì:

- Chúng ta sẽ cảm thấy mình trở nên tốt bụng, khoan dung hơn.
- Tiếp cho chúng ta hi vọng.
- Sự tự tin, hạnh phúc và lòng nhiệt thành của ta càng tăng lên bao nhiêu thì chúng ta càng cảm thấy cuộc sống thanh thản bấy nhiêu.
- Nhìn nhận điều tốt đẹp của người khác là chúng ta làm trọn ý nguyện của Thượng đế.

Câu 3:

“Phương pháp dễ dàng nhất để thay đổi tư duy của chúng ta là nhờ đến tình yêu thương và lòng bao dung”.

- Đồng ý với quan điểm của tác giả.
- Vì:



+ Với tấm lòng bao dung, độ lượng chúng ta sẽ nhìn nhận khuyết điểm của người khác một cách nhẹ nhàng hơn, không chỉ trích, lên án họ.

+ Đồng thời với tấm lòng bao dung còn giúp chúng ta tập trung vào những ưu điểm, bỏ qua những khuyết điểm, động viên họ để họ không ngừng cố gắng.

+ Bên cạnh đó dùng tấm lòng bao dung đối đãi với người xung quanh sẽ đem lại sức mạnh lan tỏa lớn, khiến cho cả cộng đồng tin tưởng và yêu thương nhau nhiều hơn. Từ đó sẽ làm thay đổi tư duy của mọi người.

Câu 4:

- Nên có thái độ khoan hòa, bao dung hơn với mọi người xung quanh.

- Chúng ta không phải người trong cuộc nên không có quyền phán xét câu chuyện của họ.

- Suy nghĩ theo nhiều chiều hướng khác nhau, tìm hiểu kỹ vấn đề trước khi đưa ra bất cứ một quan điểm, một đánh giá nào với mọi người.

- Chê bai, chỉ trích người khác không phải là cách thể hiện quan điểm, thể hiện cái tôi của bản thân mà đó chính là cách hạ nhục người khác, đồng thời cũng làm mất đi giá trị của chính mình.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

* Giới thiệu vấn đề

* Giải thích vấn đề

- Phán xét là gì? Là cách nhìn nhận xem xét, đánh giá về một con người, sự vật, hiện tượng nào đó xung quanh mình.

=> Những lời phán xét tiêu cực như một nhà tù giam hãm tâm hồn mỗi chúng ta.

* Bàn luận vấn đề

- Vì sao phán xét lại giam hãm con người? Khi phán xét người khác tự bản thân bạn sẽ chỉ nhìn nhận đến những vấn đề tiêu cực, không có tâm trí làm việc.

- Làm thế nào để thoát khỏi tình trạng phán xét người khác:

+ Suy nghĩ theo nhiều chiều hướng khác nhau, tìm hiểu kỹ vấn đề trước khi đưa ra bất cứ một quan điểm, một đánh giá nào với mọi người.

+ Trước mọi vấn đề nên có cái nhìn bao dung, độ lượng.

+ Dùng cả tri thức và tình cảm để nhìn nhận bất cứ vấn đề nào trong cuộc sống.



+ Cảm thông, tha thứ trước những sai lầm, tội lỗi của người khác.

* Chứng minh: học sinh lấy dẫn chứng phù hợp có phân tích ngắn gọn.

* Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân

- Phán xét người khác là một hành động xấu, khiến hình ảnh bản thân trong mắt mọi người ngày càng trở nên xấu xí. Cần phải có sự thay đổi.

- Nhục mạ, nói xấu người khác chứng tỏ bản thân là một kẻ có nền tảng văn hóa yếu kém.

- Liên hệ bản thân.

Câu 2:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Tô Hoài là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của nền văn học hiện đại Việt Nam, là nhà văn có biệt tài nắm bắt rất nhanh nhạy những nét riêng trong phong tục, tập quán của những miền đất mà ông đã đi qua. Ông có giọng văn kể chuyện hóm hỉnh, rất có duyên và đầy sức hấp dẫn; có vốn ngôn ngữ bình dân phong phú và sử dụng nó rất linh hoạt, đặc địa.

- Truyện ngắn Vợ chồng A Phủ được sáng tác năm 1952, in trong tập Truyện Tây Bắc – tập truyện được tặng giải Nhất – Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 – 1955. Tập Truyện Tây Bắc gồm ba truyện: Mường Giôn, viết về dân tộc Thái; Cứu đất cứu Mường, viết về dân tộc Mường; Vợ chồng A Phủ, viết về dân tộc Mèo (Mông) – mỗi truyện có một dáng vẻ, sức hấp dẫn riêng, nhưng đọng lại lâu bền trong kí ức của nhiều người đọc là truyện Vợ chồng A Phủ.

2. Phân tích

2.1. Giới thiệu nhân vật

a. Vẻ đẹp nhân vật Mị:

- Nhan sắc: “trai đến đứng nhìn chân vách đầu buồng Mị”. Mị xinh đẹp như bông hoa ban giữa núi rừng Tây Bắc.

- Tài năng: thổi lá hay như thổi sáo, có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.

- Phẩm chất tốt đẹp: Khi bố mẹ Mị hết đời chưa trả được món nợ cho thống lí Pá Tra, thống lí Pá Tra định bắt Mị về làm con dâu gạt nợ:

+ Hiếu thảo: “Con sẽ làm nương ngô giả nợ thay cho bố”

+ Tự tin vào khả năng lao động: “Con nay đã biết cuộc nương làm ngô”

+ Khao khát tự do: “Bố đừng bán con cho nhà giàu”



=> Xứng đáng được hưởng hạnh phúc nhưng lại bị xã hội của tiền quyền, cường quyền và thần quyền vùi dập, đẩy vào ngã rẽ tăm tối.

b. Phân tích vẻ đẹp nhân vật Mị trong đêm mùa đông cứu A Phủ: vẻ đẹp của sức phản kháng mạnh mẽ, của lòng thương người

* Tình huống gặp gỡ:

- A Phủ: trong khi đi chăn bò cho nhà thống lí Pá Tra do mải bầy nhím nên để hổ vồ mất một con bò -> bị trói đứng.

- Mị: Sau đêm tình mùa xuân Mị rơi vào trạng thái tê liệt về tinh thần. Hàng đêm ngồi cạnh bếp lửa (cạnh chỗ A Phủ bị trói) hơ tay hơ chân.

=> Hai người gặp gỡ nhau.

* Sự thức tỉnh của Mị:

- Nguyên nhân: Giọt nước mắt A Phủ “giọt nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại” đã đánh thức lòng yêu thương con người trong Mị.

- Diễn biến tâm trạng:

+ Mị từ cõi quên trở về cõi nhớ, nhớ về kí ức đau khổ → thương mình → thương người.

+ Mị từ cõi vô thức dần sống lại ý thức, nhận ra dấu hiệu về cái chết → càng thương hơn → thương người lẫn cả thương thân → Hành động cắt dây cởi trói.

+ Mị hốt hoảng, sợ hãi → thúc đẩy bản năng tự vệ tích cực của Mị → Mị vùng chạy theo A Phủ.

=> Đồng cảm, xót thương với số phận khổ đau của nhân vật A Phủ dưới ách áp bức của giai cấp thống trị miền núi.

+ Lên án, phê phán mạnh mẽ giai cấp thống trị miền núi đã đẩy con người vào tình cảnh khốn cùng.

+ Phát hiện, trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của A Phủ.

+ Tìm hướng giải thoát cho cuộc đời nhân vật: dũng cảm đứng lên chống lại cường quyền, tiền quyền, thần quyền để giải phóng bản thân; tham gia du kích.

=> Mị là hiện thân của sức sống, của tình yêu thương trong mỗi con người.

2.2. Liên hệ với nhân vật Chí Phèo trong lần đến nhà Bá Kiến ở đoạn cuối truyện

a. Giới thiệu tác giả Nam Cao và tác phẩm Chí Phèo, nhân vật Chí Phèo.

- Tóm tắt ngắn gọn cuộc đời Chí Phèo và lí do dẫn đến hành động cuối truyện.

b. Phân tích hành động:

- Trong nỗi đau tột cùng, Chí Phèo xách dao đi với ý định đâm chết cả nhà Thị Nở nhưng rồi không đến nhà Thị Nở mà lại đến nhà Bá Kiến. Vì:

+ Chí Phèo đang say.

+ Chí Phèo quen chân.

+ Chí Phèo mơ hồ nhận ra kẻ thù đích thực, nhận ra nguyên nhân gốc rễ đẩy mình vào bi kịch không phải cô cháu Thị Nở mà là Bá Kiến.

- Tự hủy hoại mạng sống của chính mình, Chí chỉ có một lựa chọn duy nhất là cái chết. Chí chết để bảo vệ nhân phẩm của mình trên ngưỡng cửa trở về làm người lương thiện, bảo vệ nhân phẩm khi vừa thức tỉnh.

=> Lên án, tố cáo xã hội đương thời một cách sâu sắc, đanh thép.

2.3. Thông điệp mới mẻ của nhà văn Tô Hoài về cuộc sống, con người

- Trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người cũng hiện lên với những vẻ đẹp lạ thường.

- Con người được giải phóng và tìm được cách giải phóng chính mình.

- Lí giải:

+ Tác phẩm Chí Phèo viết trước Cách mạng, Nam Cao tuân thủ nghiêm ngặt bút pháp sáng tác của chủ nghĩa hiện thực, con người chưa tìm được cách để giải thoát chính mình.

+ Tác phẩm Vợ chồng A Phủ, Tô Hoài viết sau Cách mạng, con người đã tìm được con đường giải phóng cho mình.

3. Kết luận

- Khái quát và mở rộng vấn đề.

ĐỀ SỐ 3

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Người chìa tay và xin con một đồng. Lần thứ nhất con hãy tặng người ấy hai đồng.

Lần thứ hai hãy biếu họ một đồng. Lần thứ ba con phải biết lắc đầu.

Và đến lần thứ tư con hãy im lặng, bước đi.

Đừng vui quá. Sẽ đến lúc buồn

Đừng quá buồn. Sẽ có lúc vui

Tiến bước mà đánh mất mình. Con ơi, dừng lại



Lùi bước để hiểu mình. Con cứ lùi thêm nhiều bước nữa

Chẳng sao

Hãy ngược nhìn lên cao để thấy mình còn thấp

Nhìn xuống thấp. Để biết mình chưa cao.

Con hãy nghĩ về tương lai. Nhưng đừng quên quá khứ

Hy vọng vào ngày mai. Nhưng đừng buông xuôi hôm nay

May rủi là chuyện cuộc đời. Nhưng cuộc đời nào chỉ chuyện rủi may

Hãy nói thật ít. Để làm được nhiều – những điều có nghĩa của trái tim.

...

Hãy hân hoan với điều nhân nghĩa

Đừng lạnh lùng trước chuyện bất nhân

Và hãy tin vào điều có thật:

Con người – sống để yêu thương.

(“Gửi con”, Bùi Nguyễn Trường Kiên, báo Nhân Dân, số 38, ngày 20/9/2009)

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ gì ?

Câu 2. Xác định và phân tích giá trị của biện pháp tu từ được sử dụng trong 2 câu thơ: “Đừng vui quá. Sẽ đến lúc buồn/ Đừng quá buồn. Sẽ có lúc vui”.

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về ý nghĩa các câu thơ: “Người chìa tay và xin con một đồng. Lần thứ nhất con hãy tặng người ấy hai đồng/ Lần thứ hai hãy biếu họ một đồng. Lần thứ ba con phải biết lắc đầu/ Và đến lần thứ tư con hãy im lặng, bước đi” ?

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với quan niệm của tác giả gửi gắm trong những câu thơ sau hay không ? Tại sao ? “Tiến bước mà đánh mất mình. Con ơi, dừng lại/ Lùi bước để hiểu mình. Con cứ lùi thêm nhiều bước nữa/ Chẳng sao”.

II. LÀM VĂN

Câu 1.

Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (200 chữ) trình bày suy nghĩ về quan niệm sống: “Con người – sống để yêu thương”.

Câu 2.



Phân tích chi tiết kết thúc truyện ngắn “Vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân: “Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...” (Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.32). Từ đó liên hệ với chi tiết kết thúc truyện ngắn “Chí Phèo” của nhà văn Nam Cao: “Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa, và vắng người lại qua...” (Ngữ văn 11, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.155) để nhận xét sự thay đổi trong quan niệm của các nhà văn về số phận người nông dân trước và sau cách mạng.

---- HẾT ----

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Thể thơ: Tự do.

Câu 2:

- Xác định: Phép điệp, tương phản/đối.

- Giá trị: Nhấn mạnh những quy luật cảm xúc, đời sống, sự chuyển hóa các cung bậc đối nghịch nhau, tạo nhịp điệu cho câu thơ.

Câu 3:

- Người cha nhắc nhở con về việc giúp đỡ người khác trong cuộc sống.

- Học cách giúp đỡ người khác, nhiệt tình, đúng mực, có giới hạn để sự giúp đỡ ấy phát huy giá trị tốt đẹp.

Câu 4:

Đây là câu hỏi mở, học sinh tùy theo suy nghĩ để trả lời nhưng cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:

- Thể hiện quan điểm: đồng ý hoặc không đồng ý.

- Lí giải được một cách hợp lý, thuyết phục.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

a. Đảm bảo yêu cầu của đoạn văn:

- Viết đúng hình thức đoạn văn.

- Thí sinh có thể lựa chọn các hình thức đoạn văn khác nhau.

b. Xác định đúng yêu cầu cần nghị luận.



c. Triển khai vấn đề cần nghị luận:

Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận khác nhau để triển khai vấn đề nhưng cần đạt được những yêu cầu sau:

- Yêu thương là sự quan tâm, thấu hiểu, đồng cảm, sẻ chia, quy mền... con người.
- Con người cần sống yêu thương vì đó là một lối sống đẹp. Sống yêu thương mang lại những điều kì diệu cho cuộc sống. Người cho và nhận yêu thương đều được bình yên và hạnh phúc.
- Cần phê phán những hiện tượng sống thờ ơ, ích kỉ, vô cảm trong xã hội.
- Đưa ra các dẫn chứng cụ thể, thuyết phục.

d. Chính tả, dùng từ, đặt câu

- Đảm bảo đúng chính tả, dùng từ chính xác, viết câu đúng ngữ pháp.

e. Sáng tạo

- Có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ, suy nghĩ sâu sắc.

Câu 2:

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận, thân bài triển khai được vấn đề cần nghị luận, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Phân tích chi tiết kết thúc truyện ngắn Vợ nhặt của nhà văn Kim Lân, liên hệ với chi tiết kết thúc truyện ngắn Chí Phèo của nhà văn Nam Cao để nhận xét sự thay đổi trong quan niệm của các nhà văn về số phận người nông dân trước và sau cách mạng.

c. Triển khai vấn đề:

1. Giới thiệu ngắn về tác giả Kim Lân, tác phẩm Vợ nhặt

2. Phân tích

2.1. Phân tích chi tiết kết thúc truyện ngắn Vợ nhặt

- Về nội dung:

+ Hình ảnh “đám người đói và lá cờ đỏ” hiện lên trong tâm trí Tràng vừa gọi ra cảnh ngộ đói khát thê thảm vừa gọi ra những tín hiệu của cuộc cách mạng, cả hai đều là những nét chân thực trong bức tranh đời sống lúc bấy giờ.



+ Kết thúc truyện góp phần thể hiện tư tưởng nhân đạo của Kim Lân: trân trọng niềm khát vọng sống ngay bên bờ vực cái chết của người lao động nghèo; niềm tin bất diệt vào tương lai tươi sáng.

+ Hình ảnh dùng để kết thúc truyện là triển vọng sáng sủa của hiện thực tăm tối, đó là tương lai đang nảy sinh trong hiện tại, vì thế nó quyết định đến âm hưởng lạc quan chung của câu chuyện.

- Về nghệ thuật:

- Đây là kiểu kết thúc mở giúp thể hiện xu hướng vận động tích cực của cuộc sống được mô tả trong toàn bộ câu chuyện; dành khoảng trống cho người đọc suy tưởng, phán đoán.

2.2. Liên hệ với chi tiết kết thúc truyện ngắn Chí Phèo để nhận xét về thay đổi trong quan niệm của các nhà văn về số phận người nông dân trước và sau cách mạng.

- Giới thiệu về tác giả Nam Cao, tác phẩm Chí Phèo.

- Ý nghĩa đoạn kết với hình ảnh Cái lò gạch bỏ hoang

+ Truyện kết thúc bằng cách lặp lại hình ảnh ở phần mở đầu tạo nên kết cấu đầu cuối tương ứng gợi ra vòng luẩn quẩn của thân phận Chí Phèo, giúp tô đậm chủ đề tư tưởng: cuộc đời Chí Phèo tuy kết thúc nhưng tấn bi kịch Chí Phèo sẽ vẫn còn tiếp diễn.

+ Kết thúc truyện thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc của Nam Cao: đồng cảm với nỗi thống khổ của người nông dân dưới ách thống trị tàn bạo của bọn địa chủ phong kiến, trân trọng khát vọng được sống lương thiện của họ.

+ Kết thúc truyện vừa khép vừa mở dành nhiều khoảng trống cho người đọc tưởng tượng và suy ngẫm, tạo ra dư âm sâu bền đối với sự tiếp nhận.

2.3. Nhận xét về sự thay đổi trong quan niệm của các nhà văn về số phận người nông dân trước và sau cách mạng:

- Kết thúc truyện Chí Phèo phản ánh hiện thực luẩn quẩn, bế tắc của người nông dân lao động, được thể hiện qua kết cấu đầu cuối tương ứng thể hiện sự lặp lại của hiện tại. Đó là sự bế tắc của số phận, thời đại, hoàn cảnh.

- Kết thúc truyện Vợ nhặt phản ánh xu hướng vận động tất yếu của số phận con người, từ bóng tối đến ánh sáng, từ hiện tại đến tương lai. Hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng còn ẩn dụ cho một tương lai tươi sáng khi có ánh sáng cách mạng dẫn lối cho con người.

3. Kết luận

- Khái quát và mở rộng vấn đề.



Vững vàng nền tảng, Khai sáng tương lai

Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường **PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An** và các trường Chuyên khác cùng **TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn**.

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: **TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn** cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.